TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263 /2018/DS-ST
Ngày: 26-9-2018
V/v "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Dũng;**
2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Lệ;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Thanh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lữ Văn Thới** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2018/TB-TLVA ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp Cửu H, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Lệ Th**, sinh năm 1961; Nơi cư trú: ấp Cửu H, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày:**

Vào năm 2014, ông có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Lệ Th tổ chức, cụ thể như sau:

Dây 1: Bắt đầu ngày 25/12/2014, Hụi 2.000.000đồng, mỗi tháng góp 01 kỳ, gồm 22 phần. Ông tham gia 02 phần, đã hốt một phần, còn lại 01 phần đóng đến kỳ thứ 11 thì bà Th ngưng góp hụi (hụi bể). Trong dây hụi này, ông và bà Th thống nhất sau khi trừ đi số tiền ông đã đóng cho bà Th thì ông còn nợ bà Th 5.500.000đồng.

Dây 2: Bắt đầu ngày 05/7/2015, Hụi 1.000.000đồng, mỗi tháng góp 01 kỳ, gồm 24 phần. Ông tham gia 02 phần, ông đóng đến kỳ thứ 05 thì bà Th ngưng góp hụi (hụi bể). Trong dây hụi này, ông và bà Th thống nhất số tiền ông đã đóng cho bà Th là (700.000đ x 2) x 5 kỳ = 7.000.000đồng.

Dây 3: Bắt đầu ngày 01/7/2015, Hụi 1.000.000đồng, mỗi tháng góp 02 kỳ, gồm 24 phần. Ông tham gia 02 phần, ông đóng đến kỳ thứ 09 thì bà Th ngưng góp hụi (hụi bể). Trong dây hụi này, ông và bà Th thống nhất số tiền ông đã đóng cho bà Th là (700.000đ x 2) x 9 kỳ = 12.600.000đồng.

Dây 4: Bắt đầu ngày 12/9/2015, Hụi 100.000đồng, mỗi ngày góp 01 kỳ, gồm 50 phần. Ông tham gia 10 phần, ông đóng đủ đến kỳ thứ 50 (mãn hụi) nhưng bà Th không giao cho ông. Trong dây hụi này, ông và bà Th thống nhất số tiền ông đã đóng cho bà Th là (90.000đ x 10) x 50 kỳ = 45.000.000đồng.

Dây 5: Bắt đầu ngày 02/10/2015, Hụi 100.000đồng, mỗi ngày góp 01 kỳ, gồm 50 phần. Ông tham gia 10 phần, ông đóng đến kỳ thứ 30 thì bà Th ngưng không góp hụi. Trong dây hụi này, ông và bà Th thống nhất số tiền ông đã đóng cho bà Th là (90.000đ x 10) x 30 kỳ = 27.000.000đồng.

Dây 6: Hụi 100.000đồng, mỗi ngày góp 01 kỳ, gồm 50 phần. Ông mua lại của bà Th 05 phần 22.000.000đồng, bà Th hẹn 50 ngày sẽ giao tiền lại cho ông nhưng đến hạn bà Th không giao cho ông. Trong dây hụi này, ông và bà Th thống nhất số tiền ông đã đưa cho bà Th là 22.000.000đồng.

Ngày 25/12/2015, ông và bà Nguyễn Lệ Th tổng kết số tiền mà ông đã góp hụi cho bà Th (từ dây số 2 – dây số 6) là 113.600.000đồng. Bà Th trừ lại số tiền ông còn nợ của dây hụi số 1 là 5.500.000đồng. Như vậy bà Th còn nợ lại ông số tiền 108.100.000đồng. Bà Nguyễn Lệ Th đã viết biên nhận có nợ ông số tiền

108.100.000đồng và cam kết sẽ trả cho ông trong thời hạn sáu tháng. Tuy nhiên đến hạn bà Th không thực hiện mà cố tình né tránh.

Nay ông Huỳnh Thanh T yêu cầu bà Nguyễn Lệ Th phải trả cho ông số tiền 108.100.000đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

***** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho bị đơn Nguyễn Lệ Th biết nhưng bà Th không có tự khai trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ của nguyên đơn. Tòa án Thông báo cho bà Nguyễn Lệ Th giao nộp bổ sung chứng cứ chứng minh số tiền còn nợ và đã thanh toán nợ hay chưa nhưng bà Th không có ý kiến và cũng không giao nộp chứng cứ. Tòa án Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập bà Nguyễn Lệ Th hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Th không đến Tòa án tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu;
- Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về nội dụng vụ án: Căn cứ vào quy định điều 5, điều 26, điều 227, 228 BLTTDS; Điều 280, 471 BLDS năm 2015; Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Lệ Th trả cho ông Huỳnh Thanh T số tiền 108.100.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng; Bị đơn vi phạm nghĩa vụ không có mặt khi Tòa án triệu tập. Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:*** Xét bị đơn Nguyễn Lệ Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất

khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] - ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã tham gia góp hụi theo thỏa thuận. HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Hợp đồng dân sự góp hụi.

[3]- ***Về nội dung yêu cầu:***

Ông Huỳnh Thanh T yêu cầu bà Nguyễn Lệ Th phải trả số tiền ông đã góp hụi cho bà Th tổng cộng số tiền 108.100.000 đồng. Xét thấy, mặc dù quá trình góp hụi hai bên không có xác lập hợp đồng bằng văn bản. Tuy nhiên thực tế hai bên đã giao kết hợp đồng thông qua việc ông Tuấn đã góp hụi hàng tháng cho bà Th, thời điểm giao kết hợp đồng hai bên đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, các bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 122, 479 Bộ luật dân sự năm 2005, HĐXX xác định hợp đồng góp hụi giữa ông Huỳnh Thanh T và bà Nguyễn Lệ Th phát sinh hiệu lực.

Ông Tuấn cho rằng bà Nguyễn Lệ Th còn nợ ông 108.100.000đồng tiền góp hụi. Xét thấy, số tiền này ông Tuấn và bà Th đã thống nhất là tiền vốn gốc mà ông Tuấn đã góp hụi cho bà Th, hoàn toàn không có tính lãi; Bà Nguyễn Lệ Th có viết giấy biên nhận ngày 25/12/2015 có nội dung bà Nguyễn Lệ Th có nợ tiền hụi ông Huỳnh Thanh T tổng cộng là 108.100.000đồng và ký tên. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Lệ Th không có ý kiến phản đối yêu cầu và chứng cứ do ông Tuấn cung cấp. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét từ thời điểm tháng 12/2015, bà Nguyễn Lệ Th ngưng không góp hụi nữa (hụi bể). Do vậy, bà Th phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Tuấn số tiền mà ông đã góp hụi cho bà Th theo quy định Điều 29 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường. Bà Th đã cam kết trả lại số tiền góp hụi cho ông Tuấn trong thời hạn sớm nhất, ông Tuấn đã cho bà Th thời hạn 06 tháng phải trả tiền cho ông. Tuy nhiên từ năm 2015 đến nay bà Th không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 290 Bộ luật dân sự 2005. Ông Huỳnh Thanh T yêu cầu bà Nguyễn Lệ Th phải trả số tiền 108.100.000đồng là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T.

[4] Về tiền lãi : Ông Huỳnh Thanh T không yêu cầu bà Nguyễn Lệ Th phải trả số tiền lãi từ khi bà Th vi phạm nghĩa vụ đến ngày tòa án xét xử. HĐXX không xem xét.

[5] Về lãi suất chậm thi hành án được thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật như đã phân tích trên nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 122, 290, 479 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Lệ Th trả cho ông Huỳnh Thanh T số tiền 108.100.000đồng (Một trăm lẻ tám triệu một trăm nghìn đồng). Thời hạn trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Huỳnh Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Lệ Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Lệ Th phải chịu 5.405.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Thanh T 2.702.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008251 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND.TG;
- VKSND.HCT ;
- Chi cục THADS.HCT;
- Các Đ/S;
- Lưu.

(đã ký)

Nguyễn Thanh Nhàn